

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



DP-Spray P, DP-Spray M

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Mã sản phẩm GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhận Hóa Chất) : DP-Spray P, DP-Spray M

Số UN : UN1950

Cat. No. : 40600144, 40600145, 40600146, 40600147, 40600148, 40600149, 40600150, 40600151, 40600152, 40600153, 40600154, 40600155

Kích cỡ thùng chứa : 150 ml

Các cách khác để xác định lại lịch : Không có sẵn.

Loại sản phẩm : Bình phun.

Hoạt động sử dụng đã được xác định có liên quan của chất hoặc hỗn hợp và hoạt động sử dụng được khuyến nên tránh

Ứng dụng sản phẩm : Để mài và đánh bóng cho các chế phẩm vật liệu

Khu vực áp dụng : Các ứng dụng chuyên nghiệp, Dùng bằng cách phun.

Thông tin chi tiết về nhà cung cấp : Struers ApS Singapore Branch
1008 Toa Payoh North
#05-07/08
Singapore 318996
Singapore
Điện thoại: +65 () 3165 0200

Địa chỉ email của người chịu trách nhiệm đối với bảng SDS này : sdsquestions@struers.dk

Số điện thoại khẩn cấp (với giờ hoạt động) : 115 (24/7)

II. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Mức xếp loại nguy hiểm	: H222, H229 H280 H313 H316 H319 H317 H361 H362 H370 H336	CÁC KHÍ DUNG - Loại 1 KHÍ CHỊU ÁP SUẤT - Khí nén ĐỘC TÍNH CẤP (ngoài da) - Loại 5 GÂY KHÓ CHỊU CHO DA - Loại 3 KÍCH ỨNG MẮT - Loại 2A NHẠY DA - Loại 1 ĐỘC TÍNH SINH SẢN - Loại 2 ĐỘC TÍNH SINH SẢN - CÁC ẢNH HƯỞNG LÊN HOẶC THEO ĐƯỜNG SỬA ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC 1 LẦN - Loại 1 ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC 1 LẦN (Các tác dụng gây mê) - Loại 3
------------------------	--	--

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh	: 3/20/2026	Ngày phát hành lần trước	: 1/13/2025	Phiên bản	: 1.01	1/19
--------------------------------	-------------	--------------------------	-------------	-----------	--------	------



II. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

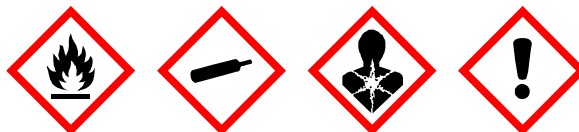
H372

ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP
XÚC LẬP LẠI - Loại 1

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Hình đồ cảnh báo

:



Từ cảnh báo

: Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ

: H222, H229 - Sol khí cực dễ cháy. Bình áp lực: có thể nổ khi bị gia nhiệt.
 H280 - Chứa khí dưới áp suất; có thể nổ nếu gia nhiệt.
 H313 - Có thể có hại khi tiếp xúc với da.
 H316 - Gây kích ứng da nhẹ.
 H317 - Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
 H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
 H336 - Có thể gây uể oải hoặc chóng mặt.
 H361 - Nghi ngờ là có hại đến khả năng sinh sản hoặc trẻ sơ sinh.
 H362 - Có thể gây hại đến trẻ đang bú.
 H370 - Gây tổn thương cho các cơ quan.
 H372 - Làm tổn thương các cơ quan qua phơi nhiễm lâu và nhiều lần.

Các công bố về phòng ngừa

Ngăn chặn

: P201 - Cần được hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
 P202 - Không sử dụng cho đến khi tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã được đọc và hiểu.
 P280 - Đeo găng tay, quần áo bảo hộ và đồ bảo vệ mắt hoặc mặt nạ.
 P210 - Tránh xa nguồn nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn gây cháy khác. Cấm hút thuốc.
 P211 - Không phun vào ngọn lửa hay nguồn bắt lửa khác.
 P271 - Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc trong khu vực thoáng khí.
 P260 - Không hít thở bụi hoặc sương.
 P263 - Tránh tiếp xúc trong quá trình mang thai và trong khi cho con bú.
 P270 - Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
 P264 - Rửa sạch sau khi sử dụng.
 P272 - Không mang quần áo bị nhiễm bẩn ra khỏi nơi làm việc.
 P251 - Không đun hoặc đốt cháy, ngay cả sau khi sử dụng.

Phản ứng

: P308 + P311 - Nếu tiếp xúc hoặc quan ngại: Gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ.
 P304 + P340, P312 - NẾU HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân đến khu vực không khí trong lành và giữ nạn nhân ở tư thế dễ hô hấp. Gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe.
 P302 + P312, P352 - NẾU TIẾP XÚC VỚI DA: Gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe. Rửa bằng nhiều nước.
 P333 + P313 - Nếu xảy ra kích ứng da hoặc phát ban: Hô ý kiến tư vấn y tế.
 P362 + P364 - Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi tái sử dụng.
 P305 + P351 + P338 - NẾU VÀO MẮT: Rửa sạch một cách thận trọng bằng nước trong vài phút. Loại bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.
 P337 + P313 - Nếu vẫn còn kích ứng mắt: Hô ý kiến tư vấn y tế hoặc chăm sóc y tế.

Lưu trữ

: P405 - Lưu trữ có khóa chặt.
 P410 + P403 - Giữ tránh ánh sáng mặt trời.
 P410 + P412 - Không để tiếp xúc với nhiệt độ vượt quá 50 °C/122 °F.
 P403 + P233 - Lưu trữ trong môi trường thoáng khí. Giữ bao bì kín.

Xử lý

: P501 - Xả bỏ chất thải và bao bì theo tất cả các quy định của địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh

: 3/20/2026

Ngày phát hành lần trước

: 1/13/2025

Phiên
bản

: 1.01

2/19



II. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại : Việc tiếp xúc lâu dài hoặc lặp đi lặp lại có thể làm khô da và gây kích ứng khó chịu.

III. Thông tin về thành phần các chất

Chất/pha chế : Hỗn hợp
Các cách khác để xác định lại lịch : Không có sẵn.

Tên thành phần nguy hiểm	Các dấu hiệu nhận biết	%
rượu etylic	Số CAS: 64-17-5	≥75 - ≤90
Cồn dễ cháy không mùi	Số CAS: 67-63-0	≤10
Dioxit silic, vô định hình, dạng khối, không kết tinh	Số CAS: 112945-52-5	≤5
Poly (oxy-1,2-etandiyl), α-hydro-ω-hydroxy- Ethane-1,2-diol, etoxyl hóa	Số CAS: 25322-68-3	≤3
nitơ	Số CAS: 7727-37-9	≤0.3
Các axit béo, C14-18 và C16-18 chưa bão hòa, maleate	Số CAS: 85711-46-2	≤0.3

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần bổ sung nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

- Tiếp xúc mắt** : Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ.
- Hít phải** : Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thở vô miệng để hồi sinh. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nói lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng.
- Tiếp xúc ngoài da** : Rửa sạch da bằng xà phòng và nước hoặc dùng những chất rửa da đã được công nhận. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu thấy có than phiền hay triệu chứng, tránh cho phơi nhiễm tiếp. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại.



IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Nuốt phải** : Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa, hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Không được nuốt bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng.

Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

- Tiếp xúc mắt** : Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
- Hít phải** : Gây tổn thương cho các bộ phận cơ thể sau một lần tiếp xúc duy nhất khi hít phải. Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Có thể gây uể oải hoặc chóng mặt.
- Tiếp xúc ngoài da** : Có thể có hại khi tiếp xúc với da. Gây tổn thương cho các bộ phận cơ thể sau một lần tiếp xúc duy nhất với da. Gây kích ứng da nhẹ. Lấy mở trong da. Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
- Nuốt phải** : Gây tổn thương cho các bộ phận cơ thể sau một lần tiếp xúc duy nhất khi nuốt phải. Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS).

Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức

- Tiếp xúc mắt** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau nhức hoặc kích ứng khó chịu
chảy nước mắt
bị đỏ
- Hít phải** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
dị ứng đường hô hấp
ho
buồn nôn hay nôn mửa
đau đầu
buồn ngủ/mệt mỏi
chóng mặt/hoa mắt
bất tỉnh
trọng lượng bào thai bị giảm
tăng tỷ lệ chết của bào thai
các dị tật xương
- Tiếp xúc ngoài da** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
kích ứng khó chịu
bị đỏ
khô da
nứt da
trọng lượng bào thai bị giảm
tăng tỷ lệ chết của bào thai
các dị tật xương
- Nuốt phải** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
trọng lượng bào thai bị giảm
tăng tỷ lệ chết của bào thai
các dị tật xương

Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần



IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Lưu ý đối với bác sĩ điều trị** : Điều trị theo triệu chứng. Hãy liên hệ ngay lập tức với chuyên gia xử lý nhiễm độc nếu bị nuốt hoặc hít phải một lượng lớn.
- Điều trị cụ thể** : Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.
- Bảo vệ nhân viên sơ cứu** : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thở vô miệng để hồi sinh. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay.

Xem thông tin độc tính (phần 11)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Phương tiện dập tắt

Các chất chữa cháy phù hợp : Dùng hóa chất khô, CO₂, bột chống cồn hay bụi nước.

Các chất chữa cháy không phù hợp : Dùng dòng tia nước.

Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất : Sol khí cực dễ cháy. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Khí có thể tích lũy ở nơi kín, có thể đi một khoảng xa đến nguồn bắt lửa và cháy lan về gây nổ. Bình phun bị nổ có thể văng xa đám cháy với tốc độ cao.

Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm : Các sản phẩm làm thổi rửa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:
carbon dioxit
carbon monoxit
ôxít kim loại

Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy : Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bình chứa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chứa phơi ra lửa.

Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy : Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

Cho người không phải nhân viên cấp cứu : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Nếu bình phun bị thủng, phải cẩn thận vì chất chứa ở trong dưới áp suất lớn sẽ thoát ra ngoài rất nhanh. Nếu nhiều thùng chứa bị vỡ, hãy xử lý như đối với trường hợp vật liệu bị đổ ra nhiều, theo các hướng dẫn trong phần lau chùi. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tắt tất cả các nguồn phát lửa. Không dùng pháo sáng, khói hay ngọn lửa trong khu vực nguy hiểm. Tránh hít hơi hay sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.



VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Cho các nhân viên cấp cứu : Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.

Đề phòng cho môi trường : Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí).

Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thẩm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng quy định của địa phương.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn

Biện pháp bảo vệ : Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Trong bất kỳ quy trình nào có sử dụng sản phẩm này đều không được sử dụng các cá nhân đã có tiền sử bệnh da nhạy cảm. Bình chứa có áp suất: không để phơi nắng trực tiếp và đừng phơi ra nhiệt độ quá 50°C. Đừng chọc thủng hay đốt cháy, ngay cả sau khi sử dụng. Tránh phơi nhiễm - lấy hướng dẫn đặc biệt trước khi dùng. Tránh tiếp xúc trong khi mang bầu hoặc nuôi trẻ. Không xử lý khi các lưu ý về an toàn chưa được đọc và hiểu. Đừng để vào mắt hay dính lên da hay quần áo. Không hít thở hơi hoặc sương. Đừng nuốt. Tránh hít phải khí. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Dùng thiết bị bằng điện (quạt, đèn, dụng cụ xử lý vật liệu) không gây nổ. Chỉ sử dụng dụng cụ không phát tia lửa. Các đồ đựng đã đổ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cặn và có thể nguy hiểm.

Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát : Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ : Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Bảo quản tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Giữ tránh ánh sáng mặt trời. Cất giữ khóa kín. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường. Xem Mục 10 để biết các chất kỵ tiếp xúc trước khi xử lý hoặc sử dụng.



VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thông số kiểm soát

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Tên thành phần nguy hiểm	Giới hạn phơi nhiễm
rượu etylic	Bộ Y tế (Việt Nam, 6/2019) 1. TWA 8 giờ: 1000 mg/m ³ . STEL 15 phút: 3000 mg/m ³ .

Chỉ số phơi nhiễm sinh học

Không có chỉ số phơi nhiễm nào được biết đến.

- Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp** : Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Dùng các phương tiện che chắn của quy trình, hệ thống thông gió tại chỗ hay các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ mức phơi nhiễm của công nhân đối với khí độc hại thấp hơn bất kỳ giới hạn nào được khuyến cáo hoặc do luật định. Các phương tiện kiểm soát cũng cần giữ cho độ tập trung của khí, hơi hoặc bụi dưới bất kỳ giới hạn gây nổ nào. Sử dụng thiết bị thông hơi chống nổ.
- Kiểm soát phơi nhiễm môi trường** : Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Biện pháp vệ sinh** : Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Phải sử dụng kỹ thuật thích hợp để lột bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Quần áo dùng trong việc có nhiễm bẩn không được phép ra ngoài nơi làm việc. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại. Cần đặt những trạm rửa mắt và phòng tắm bảo an toàn ở gần địa điểm làm việc.
- Bảo vệ mắt** : Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh bị chất lỏng bắn vào, sương, gas hơi khí hoặc bụi. Nếu có khả năng bị tiếp xúc, phải sử dụng phương tiện bảo hộ sau đây, trừ khi đánh giá cho thấy phải sử dụng phương tiện bảo hộ cao cấp hơn: kính chống văng hóa chất.
- Bảo vệ da**
- Bảo vệ tay** : Phải luôn luôn mang bao tay kháng hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết. Xem xét các thông số do nhà sản xuất cung cấp, kiểm tra trong khi sử dụng để biết rằng găng vẫn còn giữ được các tính chất bảo vệ của nó. Cần lưu ý rằng thời gian thấm qua của bất kỳ vật liệu găng tay nào của bất kỳ nhà sản xuất găng tay nào cũng khác nhau. Trong trường hợp hỗn hợp có chứa nhiều chất, thì thời gian bảo vệ của găng tay không thể tính chính xác được.
Khuyến cáo: Găng tay Nitril.
Thời gian xuyên qua: 240 phút
độ dày: 0.5 mm
- Bảo vệ thân thể** : Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này. Khi có nguy cơ cháy do tĩnh điện, phải sử dụng trang phục bảo hộ chống tĩnh điện. Để đạt được hiệu quả bảo vệ chống tĩnh điện tốt nhất, trang phục cần bao gồm bộ áo liền quần, ủng và găng tay chống tĩnh điện.



VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

- Biện pháp bảo vệ da khác** : Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.
- Bảo vệ hô hấp** : Dựa trên nguy cơ và khả năng phơi nhiễm, chọn một mặt nạ dưỡng khí đáp ứng tiêu chuẩn hoặc chứng nhận phù hợp. Phải sử dụng mặt nạ dưỡng khí theo chương trình bảo vệ hô hấp để đảm bảo lắp đặt, đào tạo phù hợp và các khía cạnh sử dụng quan trọng khác. Khuyến cáo: (như bộ lọc kết hợp A2/P2)

IX. Các tính chất vật lý và hóa học và đặc tính an toàn

Điều kiện đo lường của tất cả các đặc tính là ở điều kiện nhiệt độ và áp suất tiêu chuẩn trừ khi có quy định khác.

Bề ngoài

- Trạng thái vật lý** : Chất lỏng. [Bình phun.]
- Màu sắc** : Xám.
- Mùi** : Giống như cồn.
- Ngưỡng về mùi** : Không có sẵn.
- pH** : Không áp dụng.
- Điểm chảy/điểm đông** : Không có sẵn.
- Điểm sôi, điểm sôi ban đầu, và dải sôi** : Không có sẵn.
- Điểm bùng cháy** : Cốc đầy kín: 13°C (55.4°F)
- Tỷ lệ hóa hơi** : Không có sẵn.
- Khả năng cháy** : Không có sẵn.
- Giới hạn nổ trên và dưới/giới hạn cháy** : Thấp hơn: 3.3%
Trên: 19%
- Áp suất hóa hơi** :

Tên thành phần nguy hiểm	Áp suất hơi ở 20°C			Áp suất hơi ở 50°C		
	mm Hg	kPa	Phương pháp	mm Hg	kPa	Phương pháp
rượu etylic	42.94865	5.7				

- Mật độ hơi tương đối** : Không có sẵn.
- Mật độ tương đối** : Không có sẵn.
- Mật độ** : Không có sẵn.

Tính hòa tan

Môi trường	Kết quả
nước	Hòa tan

- Có thể trộn lẫn với nước** : Vâng.
- Hệ số phân chia nước/Octanol** : Không áp dụng.
- Nhiệt độ tự cháy** : Không có sẵn.
- Nhiệt độ phân hủy** : Không có sẵn.
- Tính dẻo** : Sôi động (nhiệt độ phòng): Không có sẵn.
Động lực học (nhiệt độ phòng): Không có sẵn.
Động lực học (40°C (104°F)): Không có sẵn.
- Thời gian chảy (ISO 2431)** : Không có sẵn.

Đặc tính hạt

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh

: 3/20/2026

Ngày phát hành lần trước

: 1/13/2025

Phiên bản

: 1.01

8/19



IX. Các tính chất vật lý và hóa học và đặc tính an toàn

Kích thước hạt trung bình : Không áp dụng.

Sản phẩm khí dung

Loại khí dung : Dạng phun

Nhiệt lượng cháy : 0.03702 kJ/g

Thông tin cần thiết khác

Nhận xét thuộc tính lý/hóa : Không có thông tin gì thêm.

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng : Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.

Tính ổn định : Sản phẩm ổn định.

Khả năng gây các phản ứng nguy hại : Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.
Dưới tình trạng lưu trữ và sử dụng bình thường, polyme hóa nguy hại sẽ không xảy ra.

Tình trạng cần tránh : Tránh để gần những nơi có thể kích hỏa (tia lửa hoặc ngọn lửa).

Các vật liệu không tương thích : Phản ứng hay không tương thích với các chất sau: chất oxy hóa.

Sản phẩm phân rã có môi nguy : Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, không được sử dụng các sản phẩm nguy hiểm gây thổi rữa.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính

Tên sản phẩm/thành phần

 urylic

Kết quả

Chuột - Nam, Nữ - Đường miệng - LD50

10470 mg/kg

Thỏ - Ngoài da - LD50

>2000 mg/kg

Chuột - Hít phải - LC50 Hơi

51 mg/l [4 giờ]

Chuột - Đường miệng - LD50

5840 mg/kg

Thỏ - Ngoài da - LD50

13900 mg/kg

Chuột - Hít phải - LC50 Hơi

72.2 mg/l [4 giờ]

Chuột - Đường miệng - LD50

3160 mg/kg

Chuột - Đường miệng - LD50

5000 mg/kg

Thỏ - Ngoài da - LD50

OECD 401 [Độc tính đường uống cấp tính]

OECD 402 [Độc tính da cấp tính]

OECD 403 [Độc tính đường hô hấp cấp tính]

OECD 401 [Độc tính đường uống cấp tính]

OECD 402 [Độc tính da cấp tính]

Cồn dễ cháy không mùi

Dioxit silic, vô định hình, dạng khối, không kết tinh

Poly (oxy-1,2-etandiyl), α -hydro- ω -hydroxy- Ethane-1,2-diol, etoxyl hóa

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh

: 3/20/2026

Ngày phát hành lần trước

: 1/13/2025

Phiên bản

: 1.01

9/19

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Các axit béo, C14-18 và C16-18
chưa bão hòa, maleate

20000 mg/kg

Chuột - Đường miệng - LD50

>2000 mg/kg

OECD 423 [Độc tính đường uống cấp
tính - Phương pháp lớp độc cấp tính]

Kết luận/Tóm tắt[Sản phẩm]

: Không có sẵn.

Ăn mòn/kích ứng da

Tên sản phẩm/thành phần

Etylet

Cồn dễ cháy không mùi

Poly (oxy-1,2-etandiyl), α -hydro- ω -
hydroxy- Ethane-1,2-diol, etoxyl hóa

Kết quả

Thỏ - Da - Kích ứng nhẹ

Lượng/hàm lượng sử dụng: 400 mg

Thỏ - Da - Kích ứng nhẹ

Lượng/hàm lượng sử dụng: 500 mg

Thỏ - Da - Kích ứng nhẹ

Thời gian điều trị/tiếp xúc: 24 giờ

Lượng/hàm lượng sử dụng: 500 mg

Thỏ - Da - Kích ứng nhẹ

Lượng/hàm lượng sử dụng: 500 mg

Thỏ - Da - Kích ứng nhẹ

Thời gian điều trị/tiếp xúc: 24 giờ

Lượng/hàm lượng sử dụng: 500 mg

Thỏ - Da - Kích ứng nhẹ

Lượng/hàm lượng sử dụng: 500 mg

Thỏ - Da - Kích ứng nhẹ

Lượng/hàm lượng sử dụng: 500 mg

Các axit béo, C14-18 và C16-18
chưa bão hòa, maleate

Con người - Da - Gây dị ứng

OECD 439

Kết luận/Tóm tắt[Sản phẩm]

: Không có sẵn.

Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt

Tên sản phẩm/thành phần

Cồn dễ cháy không mùi

Kết quả

**Thỏ - Mắt - Chất gây khó chịu vừa
phải**

Thời gian điều trị/tiếp xúc: 24 giờ

Lượng/hàm lượng sử dụng: 100 mg

**Thỏ - Mắt - Chất gây khó chịu vừa
phải**

Lượng/hàm lượng sử dụng: 10 mg

**Thỏ - Mắt - Chất gây khó chịu
nghiêm trọng**

Lượng/hàm lượng sử dụng: 100 mg

Thỏ - Mắt - Không gây khó chịu

Các axit béo, C14-18 và C16-18
chưa bão hòa, maleate

OECD 405 [Kích ứng / ăn mòn mắt
cấp tính]

Kết luận/Tóm tắt[Sản phẩm]

: Không có sẵn.

Ăn mòn/kích ứng đường hô hấp

Không có sẵn.

Kết luận/Tóm tắt[Sản phẩm]

: Không có sẵn.

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh

: 3/20/2026

Ngày phát hành lần trước

: 1/13/2025

Phiên
bản

: 1.01

10/19



XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Nhạy cảm với đường hô hấp hoặc da

Tên sản phẩm/thành phần

☑ Các axit béo, C14-18 và C16-18 chưa bão hòa, maleate

Kết quả

Chuột - da

Kết quả: Nhạy cảm

OECD 429 [Nhạy cảm với da: Xét nghiệm hạch bạch huyết cục bộ]

Da

Kết luận/Tóm tắt[Sản phẩm]

: Không có sẵn.

Hô hấp

Kết luận/Tóm tắt[Sản phẩm]

: Không có sẵn.

Đột biến tế bào mầm

Tên sản phẩm/thành phần

☑ Các axit béo, C14-18 và C16-18 chưa bão hòa, maleate

Kết quả

Trong ống thử nghiệm - Vi trùng

Kết quả: Âm tính

OECD 471 [Xét nghiệm đột biến ngược vi khuẩn]

Trong ống thử nghiệm - Loài có vú- Động vật

Kết quả: Âm tính

OECD 476 [Xét nghiệm đột biến gen tế bào động vật có vú in vitro]

Trong ống thử nghiệm - Loài có vú- Động vật

Kết quả: Âm tính

OECD 473 [Xét nghiệm quang sai nhiễm sắc thể động vật có vú in vitro]

Kết luận/Tóm tắt[Sản phẩm]

: Không có sẵn.

Tính gây ung thư

Không có sẵn.

Kết luận/Tóm tắt[Sản phẩm]

: Không có sẵn.

Độc tính sinh sản

Không có sẵn.

Kết luận/Tóm tắt[Sản phẩm]

: Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)

Tên sản phẩm/thành phần

☑ Ợợợ etylic

Cồn dễ cháy không mùi

Các axit béo, C14-18 và C16-18 chưa bão hòa, maleate

Kết quả

ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CO QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC 1 LẦN (Các tác dụng gây mê) - Loại 3

ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CO QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC 1 LẦN - Loại 1

ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CO QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC 1 LẦN (Kích ứng đường hô hấp) - Loại 3

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)

Tên sản phẩm/thành phần

Kết quả

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh

: 3/20/2026

Ngày phát hành lần trước

: 1/13/2025

Phiên bản

: 1.01

11/19



XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

 Ôn dễ cháy không mùi

ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC LẬP LẠI - Loại 1

Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa

Không có sẵn.

Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra

Đường xâm nhập lường trước được: Đường miệng, Ngoài da, Hít phải, Mắt.

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

- | | |
|--------------------------|--|
| Tiếp xúc mắt | : Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. |
| Hít phải | : Gây tổn thương cho các bộ phận cơ thể sau một lần tiếp xúc duy nhất khi hít phải. Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). Có thể gây uể oải hoặc chóng mặt. |
| Tiếp xúc ngoài da | : Có thể có hại khi tiếp xúc với da. Gây tổn thương cho các bộ phận cơ thể sau một lần tiếp xúc duy nhất với da. Gây kích ứng da nhẹ. Lầy mở trong da. Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da. |
| Nuốt phải | : Gây tổn thương cho các bộ phận cơ thể sau một lần tiếp xúc duy nhất khi nuốt phải. Có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương (CNS). |

Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính

- | | |
|--------------------------|---|
| Tiếp xúc mắt | : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau nhức hoặc kích ứng khó chịu
chảy nước mắt
bị đỏ |
| Hít phải | : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
dị ứng đường hô hấp
ho
buồn nôn hay nôn mửa
đau đầu
buồn ngủ/mệt mỏi
chóng mặt/hoa mắt
bất tỉnh
trọng lượng bào thai bị giảm
tăng tỷ lệ chết của bào thai
các dị tật xương |
| Tiếp xúc ngoài da | : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
kích ứng khó chịu
bị đỏ
khô da
nứt da
trọng lượng bào thai bị giảm
tăng tỷ lệ chết của bào thai
các dị tật xương |
| Nuốt phải | : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
trọng lượng bào thai bị giảm
tăng tỷ lệ chết của bào thai
các dị tật xương |

Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài

Phơi nhiễm ngắn hạn

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh	: 3/20/2026	Ngày phát hành lần trước	: 1/13/2025	Phiên bản	: 1.01	12/19
---------------------------------------	-------------	---------------------------------	-------------	------------------	--------	-------



XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Các tác dụng tức thời có thể gặp : Không có sẵn.

Các tác dụng chậm có thể gặp : Không có sẵn.

Phơi nhiễm lâu dài

Các tác dụng tức thời có thể gặp : Không có sẵn.

Các tác dụng chậm có thể gặp : Không có sẵn.

Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn

Tên sản phẩm/thành phần

DP-Spray P, DP-Spray M
rượu etylic
Cồn dễ cháy không mùi
Dioxit silic, vô định hình, dạng khói, không kết tinh
Poly (oxy-1,2-etandiyl), α -hydro- ω -hydroxy- Ethane-1,2-diol, etoxyl hóa
Các axit béo, C14-18 và C16-18 chưa bão hòa, maleate

Kết quả

mãn tính - Chuột - Đường miệng - NOAEL
1000 mg/kg

Tác động của chất độc: dạ dày
OECD 422 [Nghiên cứu độc tính liều lặp lại kết hợp với xét nghiệm sàng lọc độc tính sinh sản / phát triển]

Kết luận/Tóm tắt[Sản phẩm] : Không có sẵn.

Tổng quát : Làm tổn thương các cơ quan qua phơi nhiễm lâu và nhiều lần. Việc tiếp xúc lâu dài hoặc lặp đi lặp lại có thể làm mất mỡ ở da và dẫn đến ngứa ngáy, nứt da và/hoặc bị viêm biểu bì. Nếu đã bị nhạy cảm, một phản ứng dị ứng nghiêm trọng có thể xảy ra về sau này khi có tiếp xúc ở mức độ thấp.

Tính gây ung thư : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tính đột biến : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Độc tính sinh sản : Nghi ngờ là có hại đến khả năng sinh sản hoặc trẻ sơ sinh.
Có thể gây hại đến trẻ đang bú.

Các số liệu đo lường độ độc

Các giá trị ước tính độ độc cấp tính

Tên sản phẩm/thành phần	Đường miệng (mg/kg)	Ngoài da (mg/kg)	Hít vào (các chất khí) (ppm)	Hít vào (các chất hơi) (mg/l)	Hít vào (bụi và các thể lơ lửng) (mg/l)
DP-Spray P, DP-Spray M	59948.4	3120.9	N/A	N/A	N/A
rượu etylic	10470	2500	N/A	51	N/A
Cồn dễ cháy không mùi	5840	13900	N/A	72.2	N/A
Dioxit silic, vô định hình, dạng khói, không kết tinh	3160	N/A	N/A	N/A	N/A
Poly (oxy-1,2-etandiyl), α -hydro- ω -hydroxy- Ethane-1,2-diol, etoxyl hóa	5000	20000	N/A	N/A	N/A
Các axit béo, C14-18 và C16-18 chưa bão hòa, maleate	2500	N/A	N/A	N/A	N/A



XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc Tính

Tên sản phẩm/thành phần

Etylet

Kết quả

Cấp tính - LC50 - Nước biển

Cá - Bleak - *Alburnus alburnus*

Kích thước: 8 đến 10 cm

11 g/l [96 giờ]

Hiệu lực: Tử vong

mãn tính - NOEC - Nước biển

Tảo - Green algae - *Ulva pertusa*

4.995 mg/l [96 giờ]

Hiệu lực: Sự sinh sản

mãn tính - NOEC - Nước ngọt

Daphnia - Water flea - *Daphnia magna*

- Sơ sinh

Tuổi: <24 giờ

100 µl/l [21 ngày]

Hiệu lực: Tử vong

Cấp tính - LC50

Cá - *Oncorhynchus mykiss*

13000 mg/l [96 giờ]

OECD 203 [cá, xét nghiệm độc tính cấp tính]

Cấp tính - EC50

Daphnia - *Ceriodaphnia dubia*

5012 mg/l [48 giờ]

STDMETH, ASTM and USEPA E 729-80

Cấp tính - EC50

Tảo - *Chlorella vulgaris*

275 mg/l [72 giờ]

OECD 201 [Tảo, Kiểm tra ức chế tăng trưởng]

Cấp tính - EC10

Tảo - *Chlorella vulgaris*

11.5 mg/l [72 giờ]

OECD 201 [Tảo, Kiểm tra ức chế tăng trưởng]

Cấp tính - EC50

Vi sinh vật

5800 mg/l [4 giờ]

Cồn dễ cháy không mùi

Cấp tính - LC50 - Nước ngọt

Cá - Fathead minnow - *Pimephales promelas*

Tuổi: 31 ngày; Kích thước: 20.6 mm;

Trong lượng: 0.117 g

9640 mg/l [96 giờ]

Hiệu lực: Tử vong

Cấp tính - EC50

Tảo - *Scenedesmus subspicatus*

>100 mg/l [72 giờ]

Dioxit silic, vô định hình, dạng khối, không kết tinh

Cấp tính - LC50

Cá - *Brachydanio rerio*

>10000 mg/l [96 giờ]

OECD 203 [cá, xét nghiệm độc tính cấp tính]

Cấp tính - EC50

Daphnia - *Brachydanio rerio*

>1000 mg/l [24 giờ]

OECD 202 [Daphnia sp. Thử nghiệm cố định cấp tính và thử nghiệm sinh sản]

Poly (oxy-1,2-etandiy), α-hydro-ω-hydroxy- Ethane-1,2-diol, etoxyl hóa

Cấp tính - LC50

Cá - *Pimephales promelas*

>10000 mg/l [96 giờ]

Cấp tính - EC50

Daphnia - *Daphnia magna*

>10000 mg/l [48 giờ]

Các axit béo, C14-18 và C16-18 chưa bão hòa, maleate

Cấp tính - NOEC

Cá

≥100 mg/l [96 giờ]

OECD 203 [cá, xét nghiệm độc tính cấp tính]

Cấp tính - EC50

OECD 202 [Daphnia sp. Thử nghiệm

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh

: 3/20/2026

Ngày phát hành lần trước

: 1/13/2025

Phiên bản

: 1.01

14/19



XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Daphnia
>100 mg/l [48 giờ]
Cấp tính - LC50
Cá
>100 mg/l [96 giờ]
Cấp tính - NOEC
Daphnia
≥100 mg/l [48 giờ]
Cấp tính - EC50
Tảo
>100 mg/l [72 giờ]
Cấp tính - NOEC
Tảo
≥100 mg/l [72 giờ]
EC50
Vi sinh vật
>1000 mg/l [3 giờ]

cố định cấp tính và thử nghiệm sinh sản]

OECD 203 [cá, xét nghiệm độc tính cấp tính]

OECD 202 [Daphnia sp. Thử nghiệm cố định cấp tính và thử nghiệm sinh sản]

OECD 201 [Tảo, Kiểm tra ức chế tăng trưởng]

OECD 201 [Tảo, Kiểm tra ức chế tăng trưởng]

OECD 209 [Bùn hoạt tính, thử nghiệm ức chế hô hấp]

Kết luận/Tóm tắt[Sản phẩm] : Không có sẵn.

Độc bền và khả năng phân hủy

Tên sản phẩm/thành phần

rượu etylic

Kết quả

97% [28 ngày] - Dễ dàng

OECD 301B [Khả năng phân hủy sinh học sẵn sàng - Thử nghiệm tiến hóa CO2]

Cồn dễ cháy không mùi

Cần khí ôxy

53% [5 ngày] - Dễ dàng

90% [28 ngày] - Dễ dàng

Poly (oxy-1,2-etandiyl), α-hydro-ω-hydroxy- Ethane-1,2-diol, etoxyl hóa
Các axit béo, C14-18 và C16-18 chưa bão hòa, maleate

30 đến 40% [28 ngày] - Không dễ

OECD 301B [Khả năng phân hủy sinh học sẵn sàng - Thử nghiệm tiến hóa CO2]

Kết luận/Tóm tắt[Sản phẩm] : Không có sẵn.

Tên sản phẩm/thành phần	Chu kỳ bán phân rã dưới nước	Quang phân	Tính bị vi khuẩn làm thối rữa
DP-Spray P, DP-Spray M	-	-	Dễ dàng
rượu etylic	-	-	Dễ dàng
Cồn dễ cháy không mùi	-	-	Dễ dàng
Poly (oxy-1,2-etandiyl), α-hydro-ω-hydroxy- Ethane-1,2-diol, etoxyl hóa	-	-	Dễ dàng
Các axit béo, C14-18 và C16-18 chưa bão hòa, maleate	-	-	Không dễ

Khả năng tồn lưu



XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Tên sản phẩm/thành phần	LogP _{ow}	BCF	Tiềm năng
rượu etylic	-0.35	0.66	Thấp
Cồn dễ cháy không mùi	0.05	-	Thấp
Poly (oxy-1,2-etandiyl), α-hydro-ω-hydroxy- Ethane-1,2-diol, etoxyl hóa	-	3.2	Thấp
nitơ	0.67	-	Thấp
Các axit béo, C14-18 và C16-18 chưa bão hòa, maleate	>4	-	Cao

Khả năng phân tán qua đất

Hệ số phân cách đất/nước : Không có sẵn.

Hậu quả xấu khác

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các phương pháp thải bỏ : Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Chất thải khi chưa xử lý không được vứt bỏ vào hệ thống thoát nước trừ khi hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu của tất cả các nhà chức trách có thẩm quyền. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Bình rỗng hay tàu thủy có thể giữ lại cận sản phẩm. Đừng đục thủng hay thiêu đốt bình chứa.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

	UN	IMDG	IATA
Số UN	UN1950	UN1950	UN1950
Tên riêng theo Liên Hợp Quốc (UN) để dùng trong vận chuyển	AEROSOLS	AEROSOLS	Aerosols, flammable
(các) nhóm nguy hại vận chuyển	2.1 	2.1 	2.1 
Quy cách đóng gói	-	-	-
Mối nguy cho môi trường	Không.	No.	No.

Thông tin bổ sung

UN : Điều khoản đặc biệt 63, 190, 277, 327, 344, 381

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh : 3/20/2026 Ngày phát hành lần trước : 1/13/2025

Phiên bản : 1.01 16/19



XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

IMDG	: Emergency schedules F-D, S-U Special provisions 63, 190, 277, 327, 344, 381, 959
IATA	: Quantity limitation Passenger and Cargo Aircraft: 75 kg. Packaging instructions: 203. Cargo Aircraft Only: 150 kg. Packaging instructions: 203. Limited Quantities - Passenger Aircraft: 30 kg. Packaging instructions: Y203. Special provisions A145, A167, A802

Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng : **Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng:** luôn luôn chuyên chở trong những thùng đựng được đậy kín và những thùng này phải được dựng đứng và giữ chặt. Nên đảm bảo là những người chuyên chở sản phẩm biết phải làm gì trong trường hợp bị tai nạn hoặc bị đổ.

Vận chuyển số lượng lớn theo các công cụ IMO : Không có sẵn.

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Thông tư số 05/1999/TT-BYT

Tên thành phần nguy hiểm	Loại	Ghi chú
Xylene	Loại 2	-

Nghi Định số 113/2017 / NĐ-CP - Hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện : Có thể áp dụng

Nghi Định Số: 113/2017/NĐ-CP - Hóa chất phải khai báo : Có thể áp dụng

Phân loại chất độc (TCVN 3164-79) : 4

Danh mục hóa chất Việt Nam : Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Quy định quốc tế

Danh mục của Hiệp ước về Vũ khí Hóa học các chất hóa học theo các lịch trình I, II, III

Không liệt kê.

Nghi định thư Montreal

Không liệt kê.

Hiệp ước Stockholm về các chất gây ô nhiễm hữu cơ bền

Không liệt kê.

Công Ước Rotterdam về Thỏa Thuận Có Hiểu Biết Trước (PIC)

Không liệt kê.

Nghi định thư UNECE Aarhus về PÓP và các kim loại nặng

Không liệt kê.



XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Số chỉ thi nguy hiểm của các tổ chức xếp loại

NFPA



HMIS

Sức khỏe	*	4
Khả năng cháy		3
Nguy hiểm thể chất		3

Lịch sử

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh : 3/20/2026

Ngày phát hành lần trước : 1/13/2025

Phiên bản : 1.01

Bảng từ viết tắt : ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính
BCF = Hệ số nồng độ sinh học
GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu
HMIS = Hệ Thống Thông Tin Chất Nguy Hiểm (Hoa Kỳ)
IATA = Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế
IBC = Côngtenơ khổ trung
IMDG = Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế
IMO = Tổ chức Hàng hải Quốc tế
LogPow = Lôgarit của hệ số phân chia octanol/nước
MARPOL = Công ước quốc tế về việc ngăn chặn ô nhiễm từ tàu thuyền, 1973, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = Marine Pollution (Ô nhiễm hàng hải))
N/A = Không có sẵn
NFPA = Hiệp Hội Bảo Vệ Hỏa Hoạn Quốc Gia (Hoa Kỳ)
SGG = Nhóm Phân tách
UN = Liên hợp quốc

Quy trình được sử dụng để đưa ra phân loại

Phân loại	Cơ sở lý luận
CÁC KHÍ DUNG - Loại 1	Căn cứ vào dữ liệu thử nghiệm
KHÍ CHỊU ÁP SUẤT - Khí nén	Căn cứ vào dữ liệu thử nghiệm
ĐỘC TÍNH CẤP (ngoài da) - Loại 5	Phương pháp tính toán
GÂY KHÓ CHỊU CHO DA - Loại 3	Phương pháp tính toán
KÍCH ỨNG MẮT - Loại 2A	Phương pháp tính toán
NHẠY DA - Loại 1	Phương pháp tính toán
ĐỘC TÍNH SINH SẴN - Loại 2	Phương pháp tính toán
ĐỘC TÍNH SINH SẴN - CÁC ẢNH HƯỞNG LÊN HOẶC THEO ĐƯỜNG SỬA	Phương pháp tính toán
ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC 1 LẦN - Loại 1	Phương pháp tính toán
ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC 1 LẦN (Các tác dụng gây mê) - Loại 3	Phương pháp tính toán
ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ -	Phương pháp tính toán

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh : 3/20/2026 Ngày phát hành lần trước : 1/13/2025 Phiên bản : 1.01 18/19



XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

TIẾP XÚC LẬP LẠI - Loại 1

Tham khảo

: Luật hóa chất năm số hiệu: 06/2007/QH12 (GHS)
Quy định vận chuyển quốc tế
Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT
Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

Người đọc lưu ý

Thông tin được đưa ra ở đây là chính xác dựa trên các hiểu biết của chúng tôi. Tuy nhiên, nhà cung cấp nêu tên ở trên hay các cơ sở trực thuộc không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về tính chính xác hay đầy đủ của thông tin này.

Quyết định cuối cùng về sự phù hợp hay không của nguyên liệu nào là thuộc về trách nhiệm của người sử dụng. Tất cả những nguyên liệu có thể có những nguy hại chưa được biết đến và vì vậy cần phải được sử dụng cẩn thận. Mặc dù có một vài tác động nguy hại được nêu ở đây nhưng chúng tôi không bảo đảm rằng đây là những nguy hại duy nhất tồn tại.

